

Số: 225 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp tại Công ty TNHH Quốc tế MIDO-VINA

Thực hiện Quyết định số 337/QĐ-TTr ngày 01/8/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (sau đây viết tắt BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN) tại Công ty TNHH Quốc tế MIDO-VINA, ngày 22/8/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại Công ty TNHH Quốc tế MIDO-VINA.

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 12/9/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

- Tên đơn vị sử dụng lao động: Công ty TNHH Quốc tế MIDO-VINA
- Địa chỉ, trụ sở chính của doanh nghiệp: cụm công nghiệp Mỹ Xuyên, xã Thái Xuyên, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.
- Số điện thoại: 02273.776.666
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1001118486 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 24/7/2017; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 11/7/2023.
- Văn phòng/chi nhánh: không.
- Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu: sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục lông thú) xuất khẩu.
- Tài khoản số: 4711766317 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Bình.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý, sử dụng người lao động Việt Nam

- Tổng số người làm việc tại thời điểm thanh tra: 429 người.

OM

- Số lao động thuộc diện phải ký hợp đồng lao động (HĐLĐ): 417 người, trong đó:

- + HĐLĐ xác định thời hạn dưới 01 tháng: 0 người.
- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
- + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến 36 tháng: 69 người.
- + HĐLĐ không xác định thời hạn: 348 người.
- Hợp đồng thử việc, học nghề, tập nghề: 12 người.
- Số người thuộc diện ký HĐLĐ nhưng chưa ký: 0 người.
- Số người không thuộc diện ký HĐLĐ: 0 người.

* HĐLĐ số 01378/HĐLĐ ký ngày 03/11/2023 với bà Giang Thị Thu: mục địa điểm làm việc ghi: “Công ty TNHH Quốc tế Mido-Vina”. Đã thỏa thuận về tiền lương với người lao động, tuy nhiên, mục mức lương không ghi cụ thể số tiền mà người lao động được hưởng (thực hiện chi trả lương theo mức lương tại thang lương, bảng lương phù hợp với chức danh).

2. Công tác quản lý, sử dụng người lao động nước ngoài (NLĐNN)

2.1. Việc giải trình về nhu cầu/thay đổi nhu cầu sử dụng lao động; chấp thuận/không chấp thuận nhu cầu sử dụng lao động

- Số NLĐNN theo văn bản giải trình về nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp: 06 người.

Vị trí	Số lượng	Thời gian làm việc (từ ngày, đến ngày)
Lao động kỹ thuật	3	01/01/2024-31/12/2025
Chuyên gia	2	01/01/2024-31/12/2025
Giám đốc điều hành	1	20/4/2024-19/4/2026

- Số NLĐNN được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận/không chấp thuận đối với nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng NLĐNN của doanh nghiệp: 06 người.

Văn bản	Vị trí	Số lượng	Thời gian làm việc (từ ngày, đến ngày)
5648/SLĐTBOXH-LĐVL	Lao động kỹ thuật	3	01/01/2024-31/12/2025
	Chuyên gia	2	01/01/2024-31/12/2025
665/SLĐTBOXH-LĐVL	Giám đốc điều hành	1	20/4/2024 – 19/4/2026

2.2. Tổng số NLĐNN doanh nghiệp sử dụng tại thời điểm thanh tra

- Số NLĐNN đã được cấp giấy phép lao động: 04 người.
- Số NLĐNN không thuộc diện cấp giấy phép lao động: 01 người.
- Số NLĐNN chưa được cấp giấy phép lao động: 0 người
- Doanh nghiệp đã thu hồi và nộp lại giấy phép lao động hết hiệu lực cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đúng quy định: 02 giấy phép.

2.3. Về ký kết HĐLĐ với NLĐNN

- Số NLĐNN thuộc diện ký HĐLĐ: 04 người, trong đó:
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng: 0 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng: 0 người.
 - + HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên: 04 người.
- Số NLĐNN thuộc diện ký HĐLĐ nhưng chưa ký: 0 người.
- Số NLĐNN không thuộc diện ký HĐLĐ: 01 người.

3. Việc quản lý, báo cáo tình hình sử dụng lao động

- Doanh nghiệp đã lập, cập nhật sổ quản lý lao động theo quy định; xuất trình sổ quản lý lao động với Đoàn thanh tra theo quy định.

- Đã báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình sử dụng NLĐNN với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tại địa phương. Báo cáo về tình sử dụng NLĐNN năm 2023 nộp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ngày 03/01/2024, trong đó, thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31/12/2023.

III. Việc chấp hành pháp luật lao động về tiền lương, BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN

1.1. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN đối với người lao động Việt Nam

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 416 người.

- Số lao động đã tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 416 người.

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN nhưng chưa tham gia: 0 người.

- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: 01 người (người lao động đang hưởng lương hưu hằng tháng).

1.2. Việc đăng ký tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN cho NLĐNN

- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN: 04 người.
- Số lao động đã tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN: 04 người.
- Số lao động thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN nhưng chưa tham gia: 0 người.
- Số lao động không thuộc đối tượng phải tham gia BHXH, BHYT, BHTNLD-BNN: 01 người.

2. Tiền lương và việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT

2.1. Tiền lương

- Mức lương tối thiểu doanh nghiệp đang áp dụng: 4.306.250 đồng.
- Các loại phụ cấp lương đang áp dụng: phụ cấp trách nhiệm, an toàn viên, phòng cháy chữa cháy, thưởng năng suất (phụ cấp lương gắn với quá trình làm việc và kết quả thực hiện công việc của người lao động).
- Các khoản bổ sung khác được trả hằng tháng vào lương cho người lao động: chuyên cần (không xác định được mức cụ thể hằng tháng).
- Các khoản hỗ trợ: xăng xe, chấp hành nội quy, nuôi con nhỏ.
- Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động.
- Các hình thức trả lương doanh nghiệp đang áp dụng: theo thời gian đối với người lao động làm việc tại văn phòng, lương sản phẩm đối với người lao động làm việc tại xưởng.
- Doanh nghiệp đã trả cùng lúc với kỳ trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng BHXH, BHTN, BHYT cho 01 người lao động không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHTN, BHYT theo quy định.

2.2. Việc trích, nộp vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT từ tiền lương của người lao động

- Việc trích tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT
- Việc trích tiền lương tháng đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN:
 - + Các khoản trích đóng vào quỹ BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: mức lương, phụ cấp lương (trách nhiệm, phòng cháy chữa cháy, an toàn viên).
 - + Các khoản không đóng BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD-BNN: khoản hỗ trợ (xăng xe, chấp hành nội quy, con nhỏ), khoản bổ sung khác (chuyên cần).
- Việc nộp BHXH, BHTN, BHYT
 - + Số tiền phải đóng: 7.123.389.834 đồng.
 - + Số tiền đã đóng: 7.123.389.834 đồng.

- Số tiền bị xử phạt vi phạm hành chính do chậm đóng BHXH, BHTN, BHYT: không phát sinh.

- Doanh nghiệp chưa thực hiện niêm yết công khai định kỳ 6 tháng thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động.

3. Việc giải quyết các chế độ BHXH đối với người lao động

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị và được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 156 người với tổng số tiền là 1.151.719.120 đồng, trong đó:

- + Chế độ ốm đau: 89 người với tổng số tiền 88.586.068 đồng.
- + Chế độ thai sản: 51 người với tổng số tiền 1.005.353.052 đồng.
- + Chế độ dưỡng sức: 16 người với tổng số tiền 57.780.000 đồng.
- + Chế độ TNLĐ-BNN: không.
- + Chế độ hưu trí: không.
- + Chế độ tử tuất: không.

- Số lao động đã được doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị nhưng không được cơ quan BHXH giải quyết các chế độ BHXH: 0 người.

- Số tiền hưởng các chế độ BHXH của người lao động đã được cơ quan BHXH giải quyết nhưng doanh nghiệp chưa chi trả: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHTN, BHYT, BHTNLD - BNN đã được doanh nghiệp thực hiện

- 1.1. Đã giao kết HĐLĐ với toàn bộ người lao động diện phải ký HĐLĐ.
- 1.2. Đã lập, cập nhật, quản lý sổ quản lý lao động.
- 1.3. Đã tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD- BNN cho toàn bộ người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.
- 1.4. Trả lương cho người lao động không thấp hơn mức lương tối thiểu do Chính phủ quy định.
- 1.5. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.
- 1.6. Đã xác định nhu cầu sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về việc sử dụng NLĐNN đối với từng vị trí công việc.
- 1.7. Đã làm thủ tục đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động cho NLĐNN thuộc diện cấp giấy phép lao động.
- 1.8. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình sử dụng NLĐNN.

1.9. Đã lập hồ sơ đề nghị cơ quan BHXH giải quyết chế độ BHXH cho người lao động đủ điều kiện; chi trả chế độ BHXH cho người lao động khi được cơ quan BHXH giải quyết.

2. Những quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. HĐLĐ đã giao kết với người lao động (nêu tại khoản 1 Mục II Kết luận này) ghi không đúng quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 3 Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Báo cáo về tình sử dụng người lao động nước ngoài năm 2023 nộp Sở LĐTBXH, trong đó thời gian chốt số liệu báo cáo đến ngày 31/12/2023 là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

2.3. Chưa thực hiện niêm yết công khai định kỳ 6 tháng thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động là không đúng quy định tại khoản 7 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG
Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC
Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.1 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ban hành Kết luận thanh tra này.

2. Khắc phục thiếu sót nêu tại điểm 2.2, 2.3 khoản 2 Mục III Kết luận thanh tra này khi có phát sinh.

3. Niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30/6/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

4. Báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chỉ: 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 31/10/2024. ~~1000~~

Nơi nhận: *Nbc*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra (để b/c);
- Sở LĐTBXH tỉnh Thái Bình (để p/h);
- Công TTĐT Bộ;
- Trang TTĐT TTtr Bộ LĐTBXH;
- Lưu: TTtr, hồ sơ TTtr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

